

Bản án số: 203/2022/DS-PT

Ngày: 12-9-2022

“Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tuấn.

Các Thẩm phán:

1. Bà Phạm Thị Hồng Vân;
2. Bà Phạm Thị Thùy Trang.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bích, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mộng Thúy, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 215/2022/TLPT-DS ngày 08 tháng 8 năm 2022, về việc: Tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số: 55/2022/DS-ST ngày 01 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 238/2022/QĐ-PT ngày 19 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lương Nguyễn Thành A, sinh năm 1992; địa chỉ cư trú: Tổ 10, ấp 2, xã SD, huyện TC, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Đỗ Thị M, sinh năm 1962; địa chỉ cư trú: Tổ 4, ấp 4, xã SD, huyện TC, tỉnh Tây Ninh (văn bản ủy quyền ký ngày 24-3-2022); có mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Chị Huỳnh Thị Hồng G, sinh năm 1992; địa chỉ cư trú: Tổ 2, ấp 3, xã SD, huyện TC, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2.2. Anh Trần Phúc Th, sinh năm 1992; địa chỉ thường trú: Tổ 2, ấp 3, xã SD, huyện TC, tỉnh Tây Ninh; địa chỉ tạm trú: Tổ 1, ấp 2, xã SD, huyện TC, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chị Phan Thị Thanh H, sinh năm 1996; địa chỉ cư trú: Tổ 10, ấp 2, xã SD, huyện TC, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

3.2. Anh Trần Thanh L, sinh năm 1988; địa chỉ thường trú: Tổ 1, ấp TH, xã TB, huyện TBi, tỉnh Tây Ninh; địa chỉ tạm trú: Tổ 17, ấp THo, xã TPh, huyện TC, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

3.3. Chị Trần Thị Ho, sinh năm 1980; địa chỉ cư trú: Tổ 1, ấp TH, xã TB, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn chị Huỳnh Thị Hồng G, anh Trần Phúc Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24-3-2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lương Nguyễn Thành A và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Đỗ Thị M trình bày:

Anh A cho vợ, chồng chị G, anh Th vay tiền nhiều lần nhưng không làm giấy nợ, mục đích vay tiền để kinh doanh đại lý sữa và dịch vụ cầm đồ.

Từ tháng 5 đến ngày 24-11-2021, vợ chồng chị G, anh Th vay tiền của anh A nhiều lần, không làm giấy nợ, không tính lãi suất. Đến ngày 24-11-2021, chị G đi cùng anh Trần Thanh L đến nhà anh A chốt nợ vay là 2.350.000.000 đồng, trong đó chị G, anh Th vay anh A 1.750.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất miệng 3%/tháng và chị G có đưa cho anh A 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do chị Trần Thị Ho đứng tên để làm tin. Còn lại 600.000.000 đồng là tiền anh L vay của chị Phan Thị Thanh H (vợ anh A); vì chị G dẫn anh L đến vay tiền nhưng không quen biết anh L nên yêu cầu chị G viết giấy mượn nợ cộng cả tiền vay của anh L. Đối với số tiền vay của anh L thì chị H đã khởi kiện anh L trong vụ án khác.

Anh A khởi kiện yêu cầu chị G và anh Th có nghĩa vụ trả cho anh A và chị H số tiền vay 1.750.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 24-11-2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là 105.064.000 đồng (1.750.000.000 đồng X 0,83%/tháng X 07 tháng 07 ngày), tổng cộng là 1.855.064.000 đồng.

Bị đơn chị Huỳnh Thị Hồng G trình bày: Chị và anh Th là vợ, chồng có đăng ký kết hôn năm 2013. Từ tháng 9-2021, vợ, chồng chị sống ly thân. Anh A là bạn học của anh Th nên chị có vay tiền của anh A từ năm 2018 đến năm 2021 để mục đích vợ, chồng chị kinh doanh dịch vụ cầm đồ và đại lý sữa; khi vay không làm giấy nợ, thỏa thuận miệng tiền lãi mỗi ngày là 10.000 đồng/1.000.000 đồng.

Ngoài ra, anh A cũng có vay tiền của vợ chồng chị. Từ trước tháng 5-2021, chị và anh A đã thanh toán đầy đủ tiền vay cho nhau. Từ tháng 5-2021 đến đầu tháng 9-2021, chị vay tiền của anh A nhiều lần, cụ thể từng lần vay chị không nhớ nhưng số tiền chị vay gốc của anh A là 1.050.000.000 đồng. Đồng thời, trong khoảng thời gian này chị có giới thiệu anh Trần Thanh L vay tiền của anh A số tiền 600.000.000 đồng. Đến ngày 24-9-2021, hai bên chốt lại tiền vay để tính lại lãi suất 5%/tháng và anh A yêu cầu chị viết giấy nhận nợ, nội dung thể

hiện chị có mượn anh A số tiền 2.350.000.000 đồng nhưng trong đó có 800.000.000 đồng tiền vay của anh L (nợ gốc 600.000.000 đồng, nợ lãi 200.000.000 đồng), còn tiền nợ của chị là 1.550.000.000 đồng (nợ gốc 1.050.000.000 đồng, nợ lãi 500.000.000 đồng). Đối với ngày, tháng năm viết giấy mượn nợ là ngày 24-9-2021 nhưng chị viết nhầm thành ngày 24-10-2021. Do chị đã trả tiền lãi đến ngày 04-10-2021 nên hai bên thống nhất chỉnh sửa ngày tháng năm viết giấy nợ là ngày 04-10-2021 nhưng chị tiếp tục viết nhầm thành ngày 04-11-2021 nên trong giấy mượn nợ có dấu chỉnh sửa ngày, tháng. Từ khi viết giấy nợ đến nay chị chưa trả cho anh A được số tiền nào.

Do vay tiền dùm anh L nên anh L đưa chị Giấy đất đứng tên chị Trần Thị Ho để giao anh A cất giữ làm tin. Chị thừa nhận chữ ký, chữ viết và dấu lặn tay trong Giấy mượn nợ, ngày 24-11-2021 (ngày, tháng có dấu chỉnh sửa) mà anh A cung cấp cho Tòa án để khởi kiện chị là chữ ký, chữ viết và dấu lặn tay của chị. Mục đích chị vay tiền của anh A để lấy tiền bù lỗ tiệm nail (làm móng), bán mỹ phẩm. Nay chị chỉ đồng ý trả cho anh A số tiền 1.750.000.000 đồng và xin không trả tiền lãi vì trong số tiền 1.750.000.000 đồng đã bao gồm tiền lãi.

Bị đơn anh Trần Phúc Th trình bày: Anh và chị G là vợ, chồng chung sống và đăng ký kết hôn năm 2013. Từ tháng 9-2021, anh và chị G sống ly thân. Anh A là bạn học của anh. Anh không có vay tiền của anh A, còn chị G có vay tiền của anh A hay không thì anh không biết. Nay anh không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của anh A; vì anh không có vay tiền của anh A và chị G vay tiền của anh A không nhằm mục đích lo cho gia đình.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phan Thị Thanh H trình bày:

Chị là vợ anh A. Nay chị yêu cầu chị G và anh Th có nghĩa vụ trả cho vợ, chồng chị số tiền vay 1.750.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 24-11-2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là 105.064.000 đồng (1.750.000.000 đồng X 0,83%/tháng X 07 tháng 07 ngày), tổng cộng là 1.855.064.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Thanh L trình bày: Anh là em ruột của chị Trần Thị Ho. Anh có giao chị G mượn 03 Giấy đất do chị Ho đứng tên nhưng không được sự đồng ý của chị Ho, cụ thể:

Ngày 14-7-2021, anh cho chị G mượn Giấy đất diện tích 979,5 m²; chị G có viết giấy cam kết hạn 02 tháng sau trả lại.

Ngày 23-7-2021, chị G nhờ anh viết giấy vay chị H (vợ anh A) số tiền 250.000.000 đồng và anh đưa chị H giữ Giấy đất diện tích 328,6 m², tại thửa đất số 159, tờ bản đồ số 28, tại ấp THo, xã Tân Phú, huyện TC, do chị Ho đứng tên để làm tin.

Ngày 05-8-2021, chị G nhờ anh viết giấy vay chị H 350.000.000 đồng và giao kèm Giấy đất diện tích 74,3 m², tại thửa đất số 147, tờ bản đồ số 59, tại ấp 4, xã SD, huyện TC, do chị Ho đứng tên.

Nay anh không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của anh A. Anh chỉ yêu cầu anh A trả lại cho chị Ho 03 Giấy đất của chị Ho mà anh A đang giữ trái pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Ho trình bày: Chị là chị ruột của Trần Thanh L. Chị thống nhất lời trình bày của anh L. Anh A đang giữ 03 Giấy đất của chị nhưng không được sự đồng ý của chị. Chị yêu cầu anh A trả lại cho chị Giấy đất có diện tích 979,5 m².

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 55/2022/DS-ST ngày 01-7-2022 của Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lương Nguyễn Thành A về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với chị Huỳnh Thị Hồng G và anh Trần Phúc Th. Buộc chị Huỳnh Thị Hồng G và anh Trần Phúc Th có nghĩa vụ trả cho anh Lương Nguyễn Thành A và chị Phan Thị Thanh H số tiền vay 1.750.000.000 đồng (một tỷ, bảy trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi 105.064.000 đồng (một trăm lẻ năm triệu, không trăm sáu mươi bốn nghìn đồng); tổng cộng là 1.855.064.000 đồng (một tỷ, tám trăm năm mươi năm triệu, không trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).

2. Kể từ ngày 02-7-2022 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Buộc anh Lương Nguyễn Thành A có nghĩa vụ trả cho chị Trần Thị Ho 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành: CR 180801, số vào sổ cấp GCN: CS03524, diện tích 979,5 m², tại thửa đất số 130, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại ấp TC, xã Tân Phú, huyện TC, tỉnh Tây Ninh do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp cho chị Trần Thị Ho đứng tên ngày 24-6-2019.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ do chậm thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 13-7-2022, anh Trần Phúc Th kháng cáo; với nội dung: Anh Th không đồng ý cùng chị G trả nợ cho anh A.

Ngày 14-7-2022, chị Huỳnh Thị Hồng G kháng cáo; với nội dung: Cá nhân chị G chỉ đồng ý trả cho anh A số tiền còn nợ tổng cộng là 1.050.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, chị G và anh A giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Trần Phúc Th và chị Huỳnh Thị Hồng G; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến Đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về “Hợp đồng vay tài sản” là có căn cứ, đúng với quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của anh Trần Phúc Th và chị Huỳnh Thị Hồng G, xét thấy:

2.1. Tại phiên tòa chị G xác nhận có vay tiền anh A nhiều lần nên ngày 24-11-2021, chị G viết giấy nhận nợ anh A 2.350.000.000 đồng, trong đó chị G nợ anh A 1.750.000.000 đồng; còn lại 600.000.000 đồng là anh L nợ anh A, chị H, nhưng số tiền chị G nợ anh A 1.750.000.000 đồng là đã có cộng tiền lãi, vì số tiền nợ gốc là 1.050.000.000 đồng, nhưng anh A không thừa nhận lời trình bày của chị G và chị G không cung cấp được chứng cứ, chứng minh cho lời trình bày của chị G. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc chị G, anh Th có nghĩa vụ thanh toán (trả) cho anh A, chị H số tiền nợ gốc là 1.750.000.000 đồng và 105.064.000 đồng tiền lãi vay; tổng cộng 1.855.064.000 đồng là có căn cứ.

2.2. Xét yêu cầu kháng cáo của anh Th, chị G: không đồng ý buộc anh Th có trách nhiệm liên đới cùng chị G trả nợ cho anh A, chị H, vì cho rằng anh Th không biết chị G vay tiền, tiền vay không nhằm mục đích lo cho gia đình và anh Th, chị G cho rằng đã sống ly thân nhau từ tháng 9/2021, nhận thấy:

Chị G cho rằng chị vay tiền của anh A để bù lỗ cho tiệm nail (làm móng) và bán mỹ phẩm khoảng 200.000.000 đồng, nếu mở tiệm nail và bán mỹ phẩm có lời thì chị cũng lo cho gia đình; số tiền vay còn lại để trả tiền lãi cho anh A và đầu tư kinh doanh của chị G nhưng chị G không cho anh Th biết. Anh Th cho rằng, anh Th không biết chị G vay tiền của anh A và chị G vay tiền không nhằm mục đích lo cho gia đình, vợ chồng anh sống ly thân nhau từ tháng 9/2021. Xét thấy, chị G vay tiền của anh A trong khoảng thời gian dài (từ năm 2018 đến năm 2021), do đó anh Th cho rằng, không biết chị G vay tiền của anh A là không có cơ sở và số tiền vay này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân. Mặt khác chị G trình bày, thông thường giữa chị G và anh A cho vay tiền qua lại lẫn nhau vì mục đích kinh doanh; anh A kinh doanh dịch vụ cầm đồ; vợ chồng chị G kinh doanh dịch vụ cầm đồ và đại lý sữa tại nhà vợ chồng chị G, anh Th. Lời trình bày của chị G phù hợp với lời khai của anh A xác nhận cho chị G vay tiền để kinh doanh dịch vụ cầm đồ và đại lý sữa; do đó, cấp sơ thẩm buộc anh Th có trách nhiệm liên đới cùng chị G trả nợ cho anh A, chị H là có căn cứ.

[3] Từ những phân tích trên, nên không chấp nhận kháng cáo của anh Trần Phúc Th và chị Huỳnh Thị Hồng G; chấp nhận lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí phúc thẩm:

Căn cứ Điều 12, Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Do không chấp nhận yêu cầu

kháng cáo của anh Th, chị G nên mỗi người phải chịu 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.
2. Không chấp nhận kháng cáo của anh Trần Phúc Th và chị Huỳnh Thị Hồng G.
3. Giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số: 55/2022/DS-ST ngày 01 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Tây Ninh.
4. Căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 của Luật Hôn nhân và Gia đình; các Điều 147, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
5. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lương Nguyễn Thành A về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với chị Huỳnh Thị Hồng G và anh Trần Phúc Th. Buộc chị Huỳnh Thị Hồng G và anh Trần Phúc Th có nghĩa vụ trả cho anh Lương Nguyễn Thành A và chị Phan Thị Thanh H số tiền vay 1.750.000.000 đồng (một tỷ, bảy trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi 105.064.000 đồng (một trăm lẻ năm triệu, không trăm sáu mươi bốn nghìn đồng), tổng cộng là 1.855.064.000 đồng (một tỷ, tám trăm năm mươi năm triệu, không trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).
6. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm.
7. Buộc anh Lương Nguyễn Thành A có nghĩa vụ trả cho chị Trần Thị Ho 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành: CR 180801, sổ vào sổ cấp GCN: CS03524, diện tích 979,5 m², tại thửa đất số 130, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại ấp TC, xã Tân Phú, huyện TC, tỉnh Tây Ninh do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp cho chị Trần Thị Ho đứng tên ngày 24-6-2019.
8. Về án phí dân sự sơ thẩm:
 - 8.1. Chị Huỳnh Thị Hồng G và anh Trần Phúc Th phải chịu 67.651.500 đồng (sáu mươi bảy triệu, sáu trăm năm mươi một nghìn, năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.
 - 8.2. Anh Lương Nguyễn Thành A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho anh Lương Nguyễn Thành A 33.557.000 đồng (ba mươi ba triệu, năm trăm năm mươi bảy nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp

theo biên lai thu số 0007171, ngày 24-3-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TC, tỉnh Tây Ninh.

9. Về án phí phúc thẩm:

Chị Huỳnh Thị Hồng G và anh Trần Phúc Th mỗi người phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: 0007465 ngày ngày 13-7-2022 và Biên lai thu số: 0007479 ngày ngày 18-7-2022, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TC, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận anh Th, chị G đã nộp xong.

10. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

11. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

12. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND huyện TC;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Chi cục THADS huyện TC;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ;
- Các đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Tuấn